Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn

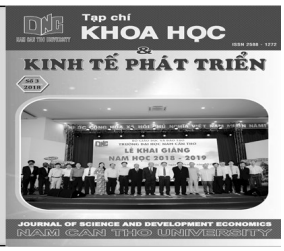

Hoàn thiện pháp luật về kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước tại các khu công nghiệp trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu

Trần Thị Thu Vân[1*], Nguyễn Thành Phương[1]
[1]*Khoa Luật – Trường Đại học Nam Cần Thơ*
[*]*Người chịu trách nhiệm bài viết: Trần Thị Thu Vân (email:tranthithuvandnc@gmail.com)*

Ngày nhận bài: 18/12/2023
Ngày phản biện: 24/01/2024
Ngày duyệt đăng: 29/01/2024

Title: *Completing the law on controling and treating of environmental pollution in industrial parks in context adapt to climate change*

Keywords: *environmental pollution, industrial parks water environment*

Từ khóa: *môi trường nước, khu công nghiệp, ô nhiễm môi trường*

ABSTRACT

Controlling and treating water pollution in industrial parks is one of the important activities in environmental protection. However, currently, the implementation of this activity still has certain limitations and inadequacies, which seriously affects the quality of human life. This study focused on analyzing, evaluating, and pointing out the limitations and inadequacies in environmental legal regulations on the issue of controlling and treating water pollution in industrial parks, as well as pointing out the Limitations in the application of these regulations in practice, from which a number of suggestions and recommendations for improvement were made.

TÓM TẮT

Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước tại các khu công nghiệp là một trong những hoạt động quan trọng trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện hoạt động này vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập nhất định, điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống con người. Nghiên cứu này tập trung phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật môi trường về vấn đề kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước tại các khu công nghiệp, cũng như chỉ ra những điểm hạn chế trong việc áp dụng các quy định này trên thực tế, từ đó đưa ra một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện.

1. GIỚI THIỆU

Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ các khu công nghiệp có trạm xử lý nước thải tập trung chỉ chiếm 66%, nhiều khu công nghiệp đã đi vào hoạt động mà hoàn toàn chưa triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoặc có nhưng không vận hành, hay vận hành không hiệu quả hoặc xuống cấp. Trong khi đó, theo ước tính có khoảng 70% trong số hơn một triệu mét khối nước thải hằng ngày, đêm phát sinh từ các khu công nghiệp được xả thẳng ra nguồn tiếp nhận mà không qua xử lý (Ngọc Hân, 2021) [3]. Bên cạnh đó, mỗi năm có đến 9000 người chết, 100.000 trường hợp ung thư mà nguyên nhân chính là do sử dụng nguồn nước ô nhiễm. Tại 37 xã mang tên "làng ung thư" đã có 1.136 người chết vì các bệnh ung thư. Ngoài ra, còn có 380 người ở các xã lân cận cũng chết bởi ung thư (Tạ Thị Thùy Trang, 2019) [4].

Ở Việt Nam pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước nói chung và khu công nghiệp nói riêng không được quy định cụ thể trong một đạo luật cụ thể, nhưng được điều chỉnh tản mác trong nhiều đạo luật và văn bản khác nhau như: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Bộ luật hình sự năm 2015, Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Luật tài nguyên nước Luật thủy sản năm 2017 và rất nhiều những Nghị định, Thông tư khác. Nhìn chung, những văn bản này đã có những quy định điều chỉnh liên quan đến các vấn đề về trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và các phương pháp có liên quan đến xử lý ô nhiễm môi trường nước (Nguyễn Thị Bảo Nga, 2019) [7]. Tuy nhiên, thực tế trong việc áp dụng pháp luật, nhận thấy rằng vẫn tồn tại nhiều bất cập có liên quan như: nhiều hành vi vi phạm chưa được hướng dẫn cụ thể, mức xử phạt với nhiều hành vi chưa thống nhất và còn thấp, tồn tại những vi phạm nhưng chưa có biện pháp khắc phục hậu quả được quy định,… Điều này không chỉ làm suy giảm chất lượng môi trường nước mà còn đe dọa đến tính mạng, sức khỏe con người, tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế xã hội, gây bức xúc cho người dân. Vì vậy, việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá chỉ ra những điểm hạn chế, bất cập trong quy định và thực tiễn áp dụng pháp.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu này thực hiện theo phương pháp định tính qua phân tích tổng hợp các nội dung từ các tài liệu có liên quan.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở các khu công nghiệp thông qua biện pháp hành chính

Dưới góc độ thực tiễn, việc xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp là biện pháp phổ biến hiện nay, được tiến hành dựa trên các văn bản pháp luật như: (i) Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật bảo vệ môi trường năm 2020; (ii) Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức căn cứ trên cơ sở Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 (Bành Quốc Tuấn & Nguyễn Sơn Hà, 2023) [2]. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai cho thấy quy định về xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp thông qua các biện pháp hành chính vẫn tồn tại những vướng mắc, cần có phương pháp tháo gỡ như:

Thứ nhất, tại các cụm, khu công nghiệp đòi hỏi phải có nhật ký theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, điều này giúp cho ban quản lý các cụm khu công nghiệp có thể dễ dàng theo dõi những diễn biến bất thường trong quá trình vận hành xử lý nước thải của các doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp. Với trường hợp các cụm công nghiệp không tiến hành theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, sẽ căn cứ theo điểm d khoản 3 Điều 15 cơ quan chức năng sẽ có thẩm quyền xử phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, nhiều quan điểm cho rằng quy định này là cần thiết, nhưng nếu các cụm khu công nghiệp có nhật ký nhưng không ghi chép các thông số liên quan hoặc ghi không đầy đủ và chính xác thì định mức xử phạt ra sao, điều này vẫn tồn tại những khoảng trống lớn, cần được ban hành những văn bản hướng dẫn nhằm tháo gỡ những khó khăn trong quá trình áp dụng.

Thứ hai, tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 10-15 triệu đồng với hành vi không công khai giấy phép môi trường theo quy định. Tuy nhiên, cho đến hiện nay vẫn chưa có văn bản nào điều chính các vấn đề có liên quan việc hướng dẫn cụ thể đối với hành vi được xem là không công khai giấy phép môi trường, để các cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị triển khai. Xoay quanh các loại giấy phép về môi trường và giấy phép tại các khu công nghiệp sẽ bao gồm nhiều loại giấy tờ khác nhau, có thể liệt kê như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIAR - Báo cáo đánh giá môi trường tác động) hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường (EPP - Kế hoạch môi trường bảo vệ); Xác nhận hoàn thành các công việc bảo vệ môi trường; Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại (bút ký chủ nguồn chất thải nguy hại); Hợp đồng giao nhận chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân được cấp phép quản lý chất thải nguy hại nếu khu công nghiệp không có công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý, xử lý chất thải nguy hại; Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý hồ sơ chất thải nguy hại và hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến quản lý chất thải nguy hại trong 5 năm; Báo cáo tình hình chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên và Môi trường hàng năm; Báo cáo Sở TN&MT 6 tháng một lần về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại khu công nghiệp trong trường hợp không chuyển giao được. Theo đó, hiện nay Nghị định chỉ điều chỉnh một phần trong các loại giấy phép này như: Báo cáo đánh gía tác động môi trường, Nhật ký liên quan đến quản lý chất thải nguy hại,…nhưng chưa quy định điều chỉnh xử phạt với các trường hợp các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thiếu kế hoạch bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành các công việc bảo vệ môi trường, hợp đồng giao nhận chất thải nguy hại cho tổ chức, cá nhân,… điều này dễ dẫn đến các trường hợp không tuân thủ và cũng như sẽ có sự chưa đồng nhất trong việc áp dụng pháp luật, khi chưa có quy định cụ thể.

Thứ ba, định mức xử phạt vi phạm với hành vi gây ra ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp, tuy đã có nhiều điều chỉnh qua các thời kỳ, với định mức phạt tiền tối đa với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nước tại các khu, cụm công nghiệp chỉ là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Nhìn chung, định mức xử phạt bước đầu đã mang tính răn đe hơn. Tuy nhiên, thực tế áp dụng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Bởi nhận thấy sẽ tồn tại nhiều doanh nghiệp trong các khu công nghiệp chấp nhận xả thải ra môi trường và

tiến hành đóng phạt thay vì tìm phương hướng khắc phục những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường. Trong trường hợp này có thể dẫn dắt vấn đề thông qua vụ việc Công ty cổ phần Vedan Việt Nam xả thải trực tiếp xuống sông Thị Vải (tháng 10/2008), doanh nghiệp này bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt là 267 triệu đồng, cùng với yêu cầu buộc Công ty phải đầu tư 33 triệu USD để nâng cấp công nghệ, bảo đảm nước thải đạt quy chuẩn môi trường (Tạ Thùy Trang, 2019) [4]. Nhận thấy rằng, việc đầu tư trang thiết bị để khắc phục hậu quả, nâng cấp công nghệ để bảo đảm phát triển bền vững với doanh nghiệp này là quá cao. Theo đó, doanh nghiệp có thể chọn phương hướng chấp nhận xử phạt với hành vi tiếp tục xả thải, bởi căn cứ điểm đ khoản 5 Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP doanh nghiệp có thể chỉ chịu mức phạt từ: "40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không chấm dứt xả thải, điều chỉnh, thực hiện đấu nối, xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom". Điều này vô hình chung cho thấy vân tồn tại nhiều trường hợp mức xử phạt thấp hơn so với mức yêu cầu khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, tại Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến "Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề". Với các hành vi như: không có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; không ban hành quy chế bảo vệ môi trường cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; không bố trí diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định; không bố trí công tơ điện độc lập tại nhà máy xử lý nước thải tập trung; không hoàn thành việc xây lắp, lắp đặt hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cụm công nghiệp đang hoạt động đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường…, Tuy nhiên, các biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 7 Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP lại không tập trung vào việc xây dựng các công trình, hoàn thiện việc xây lắp các công trình,… hướng đến khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, nhưng lại tập trung vào các biện pháp buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định; Buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Từ vấn đề trên cần thiết có sự điều chỉnh trong các biện pháp khắc phục hậu quả, tập trung vào việc hoàn thiện, xây dựng các công trình phụ trợ cho công tác xử lý chất thải tương ứng với các hành vi vi phạm.

Thứ năm, về tổ chức thi hành, việc thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn. Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản liên quan chưa có quy định hình thức cưỡng chế thi hành đối với hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả như đình chỉ hoạt động có thời hạn, buộc khắc phục hậu quả, buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nước, buộc xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hình thức cưỡng chế đối với đối tượng bị cưỡng chế nhưng không thực hiện quyết định cưỡng chế,... điều này dẫn đến những khó khăn trong việc ban hành quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền, vì trong quyết định cưỡng chế phải ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng. Do đó,

dễ dẫn đến xuất hiện các trường hợp tái phạm vi phạm với các chủ thể có hành vi vi phạm hành chính. Điều này có thể đưa ra dẫn chứng với trường hợp Nhà máy Mía đường cồn Long Mỹ Phát, tỉnh Hậu Giang có hành vi xả nước thải ra sông Cái Lớn, gây ô nhiễm nghiêm trọng năm 2019. Ngày 23/7/2019, UBND tỉnh Hậu Giang đã ra Quyết định xử phạt Công ty TNHH Mía đường cồn Long Mỹ Phát 714 triệu đồng và hình phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động 4,5 tháng kể từ ngày 23/7/2019. Tuy nhiên, theo Biên bản kiểm tra do Đội Liên ngành kiểm tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh lập ngày 9/12/2019, Công ty TNHH Mía đường cồn Long Mỹ vẫn tiếp tục vận hành Nhà máy đường và có xả thải ra môi trường khi chưa hoàn thành các nội dung theo Kết luận thanh tra của Tổng cục Môi trường và quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND tỉnh (VOV, 2019) [8].

3.2 Xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở các khu công nghiệp thông qua biện pháp hình sự

Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tại Chương XIX quy định 12 loại tội phạm môi trường. Tuy nhiên, tại đạo luật này lại không có quy định trực tiếp với các tội danh có liên quan đến vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp. Do đó, để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này, cơ quan có thẩm quyền phải căn cứ vào các tội phạm môi trường khác như tội gây ô nhiễm môi trường nước theo Điều 235; tội vi phạm các quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo Điều 237. Theo số liệu thống kê từ Cục cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (C05) Bộ Công an, trong giai đoạn 2010 - 2020, toàn lực lượng đã phát hiện 170.875 vụ vi phạm pháp luật về môi trường; xử lý hành chính 141.000 vụ, khởi tố 2.624 vụ với 4.357 bị can; xử phạt vi phạm hành chính 97.000 vụ với số tiền 1.166 tỉ đồng (Cổng thông tin điện tử Phú Yên, 2021) [1]. Đặc biệt, đã điều tra, xử lý nhiều vụ phạm tội về môi trường, tập trung vào lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, an toàn thực phẩm, số liệu của Tòa án Nhân dân tối cao cho thấy, trong 11 năm, từ năm 2010 đến năm 2020, hệ thống tòa án nhân dân đã thụ lý 2.842 vụ án về môi trường với 4.445 bị cáo. Trong đó, xét xử 2.237 vụ với 4.145 bị cáo phạm tội về môi trường, chiếm 0,37% tổng số vụ án hình sự đã xét xử (Bành Quốc Tuấn & Nguyễn Sơn Hà, 2023) [2]. Thực tiễn thi hành nhận thấy rằng việc xử lý hình sự các vi phạm về pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập:

Thứ nhất, trong các tội phạm liên quan đến môi trường, việc phân loại tội phạm không tồn tại các nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, theo đó với khung hình phạt tối đa cho các tội phạm liên quan đến môi trường chỉ ở giới hạn 10 năm, điều này vẫn chưa đủ sức răn đe với các vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng. Điển hình trong vi phạm của công ty Vedan xả nước thải xuống sông Thị Vải năm 2008, vụ xả thải gây ô nhiễm nước biển miền Trung năm 2016 thuộc Công ty Hưng Nghiệp Formosa, dù gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng luật định thiếu những điều chỉnh có liên quan, nên không tồn tại trách nhiệm hình sự với cá nhân hay pháp nhân trong vụ việc trên.

Thứ hai, điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 ghi nhận chủ thể chịu trách nhiệm hình sự là pháp nhân tại Điều 76 với 33 tội danh; trong đó có hành vi gây ô nhiễm môi trường nước. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành từ giai đoạn Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực đến năm 2023, chỉ ghi nhận 1 trường

hợp pháp nhân thương mại bị kết án. Riêng đối với tội phạm về môi trường, tính đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có pháp nhân thương mại nào bị xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự về hành vi gây ô nhiễm môi trường nước, dù rằng các hành vi gây ô nhiễm môi trường nước diễn ra ttrong phạm vi cả nước (Hà Lệ Thủy & Trần Công Thiết, 2022) [6]. Do đó. kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giải quyết các vụ án có pháp nhân thương mại phạm tội chưa có, đặc biệt là đối với các pháp nhân có tổ chức chặt chẽ, dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội và che giấu tội phạm thì càng khó khăn hơn; khi xử lý trường hợp pháp nhân thương mại vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp sẽ không tránh khỏi lúng túng, phát sinh cách hiểu và áp dụng pháp luật còn khác nhau, nên rất khó đấu tranh với chủ thể này (Vũ Văn Tư, 2023) [5].

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Trong nền kinh tế hội nhập hiện nay, khu công nghiệp trở thành mô hình phổ biến, được nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam sử dụng để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế, cũng như phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng. Bên cạnh những lợi ích của khu công nghiệp mang lại, do hoạt động sản xuất - kinh doanh được tiến hành tập trung với nhiều dây chuyền sản xuất, công nghệ hiện đại, số lượng công nhân được sử dụng lớn, dẫn đến lượng lớn chất thải thường xuyên phải thải ra môi trường, nếu không được quản lý và xử lý tốt thì nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước rất cao. Thông qua việc đánh giá thực trạng khung pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp bằng biện pháp hành chính và hình sự, nhóm tác giả nhận thấy còn nhiều tồn tại, vướng mắc trong quy định về xử lý vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp cần tiếp tục hoàn thiện như: (1) Thứ nhất, tại điểm d khoản 3 Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP cần sửa đổi theo hướng cụ thể cơ quan chức năng sẽ có thẩm quyền xử phạt tiền đối với hành vi không có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; không thực hiện ghi chép các thông tin có liên quan, hoặc có tiến hành ghi chép nhưng không đầy đủ. Bên cạnh đó, cần ban hành văn bản nào điều chỉnh các vấn đề có liên quan việc hướng dẫn cụ thể đối với hành vi được xem là không công khai giấy phép môi trường, để các cơ quan có thẩm quyền và các đơn vị triển khai; (2) Thứ hai, tại Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến "Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề. Tuy nhiên, các biện pháp khắc phục hậu quả tại khoản 7 Điều 15 Nghị định 45/2022/NĐ-CP lại không tập trung vào việc xây dựng các công trình, hoàn thiện việc xây lắp các công trình,… hướng đến khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm gây ra, nhưng lại tập trung vào các biện pháp buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường đối với trường hợp vi phạm quy định; Buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Từ vấn đề trên cần thiết có sự điều chỉnh trong các biện pháp khắc phục hậu quả, tập trung vào việc hoàn thiện, xây dựng các công trình phụ trợ cho công tác xử lý chất thải tương ứng với các hành vi vi phạm, điều này sẽ thể hiện đúng với bản

chất khắc phục hậu quả do các hành vi vi phạm ô nhiễm môi trường nước xuất phát từ các khu công nghiệp gây ra; (3) Thứ ba, về mức xử phạt hành chính, chế tài xử phạt hành chính với hành vi gây ô nhiễm môi trường những năm qua đã liên tục được sửa đổi theo hướng tăng nặng khung hình phạt. Theo đó, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP với mức xử phạt vi phạm pháp luật môi trường, vẫn tồn tại nhiều mức phạt chưa thật sự hợp lý với hành vi vi phạm. Do vậy, việc có những chủ thể sẵn sàng nộp phạt để xả thải chất gây ô nhiễm không phải là hiếm mà vụ Vedan xả thải gây ô nhiễm môi trường nước là một ví dụ điển hình. Để khắc phục bất cập này, cần tiếp tục tăng nặng khung hình phạt hành chính với các hành vi vi phạm pháp luật kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong các khu công nghiệp để đảm bảo tính răn đe. Ngoài ra, cần xây dựng, bổ sung các quy định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp; đảm bảo các chủ thể có hành vi vi phạm chấp hành đầy đủ các biện pháp xử lý; (4) Thứ tư, về khung hình phạt cho các tội phạm môi trường. Theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, các tội phạm về môi trường quy định tại Chương XIX có khung hình phạt cao nhất là 10 năm, mặc dù tính chất nguy hiểm của loại tội phạm này rất lớn, để lại hậu quả lâu dài, nghiêm trọng và rất tốn kém khi khắc phục. Vì vậy, nhà làm luật cần cân nhắc phân loại các tội phạm môi trường theo hướng: tội gây ô nhiễm môi trường tại Điều 235, tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại Điều 237 lên mức tội đặc biệt nghiêm trọng, với khung hình phạt tù tối đa đến 20 năm để tăng cường tính răn đe, xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm môi trường nước gây hậu quả nghiêm trọng. Bên cạnh đó, đối với các tội phạm về môi trường, cần tăng mức xử phạt tiền. Các tội phạm về môi trường do pháp nhân thực hiện thường gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường trên diện rộng, gây thiệt hại và tác động đến nhiều mặt của thiên nhiên và đời sống, xã hội con người. Hiện nay, mức phạt tiền tối đa đối với pháp nhân phạm tội là 20 tỷ đồng, là một mức phạt cao trong hệ thống pháp luật Việt Nam, nhưng chưa thể tương xứng với hậu quả của hành vi mà tội phạm về môi trường do pháp nhân thực hiện gây ra cho xã hội và môi trường. Bên cạnh đó, nhiều pháp nhân với quy mô tổ chức và tiềm lực kinh tế lớn, thì số 20 tỷ đồng vẫn không phải là vấn đề lớn. Vì vậy, cần thiết xem xét mức xử phạt tương ứng với mức độ hậu quả mà pháp nhân gây ra. Đồng thời, cần có thêm những chế tài bắt buộc những pháp nhân đó khắc phục những hậu quả thiệt hại cho môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Cổng thông tin điện tử Công an tỉnh Phú Yên. (2021). *Tình hình tội phạm về môi trường và một số dự báo về xu hướng vận động.* https://congan.phuyen.gov.vn/tin-moi-truong/tinh-hinh-toi-pham-ve-moi-truong-vamot-so-du-bao-ve-xu-huong-van-dong-1712.html

[2] Bành Quốc Tuấn & Nguyễn Sơn Hà (2023). Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước trong khu công nghiệp: thực trạng khung pháp lý về đề xuất giải pháp hoàn thiện. *Tạp chí Công Thương* số 13, tháng 5.

[3] Ngọc Hân (2021). *Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường các khu công nghiệp.* https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/824299/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong-cac-khu-cong-nghiep.aspx. Truy cập ngày 20/12/2023.

[4] Tạ Thị Thùy Trang (2019). *Một số bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải.* http://lapphap.vn/Pages/TinTuc/210445/Mot-so-bat-cap-cua-phap-luat-bao-ve-moi-truong-ve-xu-ly-nuoc-thai.html. Truy cập ngày 20/12/2023.

[5] Vũ Văn Tư (2023). *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Luật Hình sự Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ Luật học). Học viện Khoa học xã hội.

[6] Hà Lệ Thủy, Trần Công Thiết (2022). Trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường theo Luật Hình sự Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 05 (453), tháng 3

[7] Nguyễn Thị Bảo Nga (2019). Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường nước ở Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị hoàn thiện, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 12.

[8] VOV (2019). *Yêu cầu Công ty Long Mỹ Phát dừng sản xuất gây ô nhiễm môi trường.* http: baomoi.com- xa-hoi/yeu-cau-cong-ty-long-my-phat-dung-san-xuat-gay-o-nhiem-moi-truong-990436.vov. Truy cập ngày 12/12/2023.